

Số: /KH-UBND

Phú Lâm, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Phú Lâm năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (gọi tắt là Kế hoạch số 92/KH-UBND).

Căn cứ Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 16/01/2026 của Ban chỉ đạo phát triển Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 (gọi tắt là Kế hoạch số 03-KH/BCĐ);

Thực hiện Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã theo yêu cầu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW theo yêu cầu 6 rõ: “**rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền**”; bảo đảm việc thực hiện bám sát, cụ thể hóa đầy đủ các nhiệm vụ năm 2026 theo Nghị quyết số 11/NQ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch số 03-KH/BCĐ, Kế hoạch số 92/KH-UBND và các văn bản chỉ đạo có liên quan. Nâng cao tính chủ động, trách nhiệm và tinh thần đổi mới, sáng tạo của các cơ quan, đơn vị phòng ban và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình tổ chức thực hiện.

-Xác định rõ các lĩnh vực trọng tâm, ưu tiên, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương; bảo đảm sự kết hợp hợp lý giữa các nhiệm vụ

mang tính nền tảng, thường xuyên (hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng) với các nhiệm vụ mang tính đột phá, sáng tạo nhằm thúc đẩy xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã. Tạo chuyển biến rõ nét, thực chất trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Việc triển khai các nhiệm vụ phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất, có mục tiêu cụ thể, nguồn lực thực hiện, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành. Bảo đảm phân công rõ ràng về trách nhiệm, tiến độ và kết quả thực hiện; nâng cao tính khả thi, hiệu quả, tránh hình thức, dàn trải.

- Tăng cường công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện; gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ; sử dụng kết quả triển khai làm căn cứ đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm theo quy định. Đồng thời, chú trọng phòng, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư ngay từ khâu đề xuất chủ trương, xây dựng danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực.

- Xác định nhiệm vụ cụ thể để các cơ quan, đơn vị, phòng ban xây dựng kế hoạch thực hiện; tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 03/NQ-CP và kế hoạch số 92/KH-UBND; hiện thực hóa mục tiêu Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thực hiện mục tiêu trong năm 2026 là năm tăng tốc, tạo chuyển biến rõ nét trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã. Tập trung triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm đóng góp thực chất, đo lường được vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng cung cấp dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.

- Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và thị trường; chủ động xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên, tăng cường chuyển giao, làm chủ công nghệ, nhất là trong các lĩnh vực sản xuất, chế biến nông lâm sản, công nghiệp hỗ trợ, logistics và kinh tế tầm thấp.

- Tổ chức triển khai, kết nối, tích hợp và khai thác hiệu quả các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung và các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, CSDL dùng chung của bộ, ngành, các đơn vị theo danh mục đã ban hành; bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông, chia sẻ dữ liệu và dịch vụ số giữa các ngành, lĩnh vực, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước dựa trên dữ liệu số và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối, phân công lãnh đạo, nhân lực, hệ thống hạ tầng mạng, phát triển thí điểm mô hình chuyển đổi số toàn diện, đô thị thông minh cấp xã; vận hành ổn định Trung tâm điều hành thông minh, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp liên tục, không gián đoạn. Bảo đảm đủ nhân sự cho việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) ở xã đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Phát triển hạ tầng số

- Phấn đấu 100% hộ gia đình có khả năng tiếp cận internet băng rộng cố định hoặc di động.

- Đảm bảo 100% cán bộ, công chức xã được trang bị thiết bị làm việc có kết nối internet và phần mềm ứng dụng chuyên ngành cơ bản.

- Tỷ lệ phủ sóng 4G -5G trên địa bàn đạt 100%.

b. Phát triển nguồn lực

- Phân bổ $\geq 1.5\%$ tổng chi ngân sách địa phương dành cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

- Có 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.

- Có 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số và ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- Có $\geq 90\%$ dân số trưởng thành tiếp cận được các dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Tỷ lệ học sinh từ cấp tiểu học được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, nhận biết được nguy cơ, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong môi trường số.

c. Phát triển khoa học, công nghệ

- Trên $>10\%$ doanh nghiệp, hộ nông dân ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

- 100% các cơ quan các cơ quan đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn.

- Phát triển ít nhất 01 - 02 sản phẩm OCOP ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, giới thiệu và bán hàng.

- Tổ chức tuyên truyền ứng dụng AI, IoT, Big Data, thương mại điện tử... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; ứng dụng nâng cao chất lượng sống của người dân.

d. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo:

- Phần đầu 2-5% tổng số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Phần đầu từ 01-02 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Phần đầu $\geq 1\%$ các vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Phần đầu $\geq 50\%$ các sáng kiến trong khu vực công(nếu có) được công nhận.

đ. Phát triển chuyển đổi số:

- Có $\geq 80\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh được thực hiện trực tuyến.
- Có $\geq 80\%$ giao dịch hành chính thực hiện theo hình thức “phi tiếp xúc”.
- Có $\geq 90\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- Có $\geq 95\%$ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 90\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Có $\geq 80\%$ giao dịch không dùng tiền mặt.
- Có $\geq 95\%$ các văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước.
- Có $\geq 40\%$ người dân trưởng thành có chữ ký số
- Có $\geq 90\%$ Đảng ủy, UBND xã, các phòng ban sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Có $\geq 90\%$ công việc Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.
- Có $\geq 95\%$ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác.
- Có $\geq 95\%$ tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử.
- Có 100% tỷ lệ người dân được định danh số.
- Có 100 tỷ lệ cung cấp dữ liệu mở theo Kế hoạch.

III. GIẢI PHÁP

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Các cơ quan, đơn vị, phòng ban căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW và các kế hoạch của Trung ương, Chính phủ, Tỉnh ủy (Kế hoạch hành động 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy), UBND tỉnh (Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/9/2025) xây dựng kế hoạch chi tiết đến từng đầu việc, phân công cán bộ phụ trách, xác định tiến độ và kết quả đầu ra.

-Tất cả hoạt động chỉ đạo, điều hành đều dựa trên dữ liệu: sử dụng Hệ thống theodoingq.dcs.vn để cập nhật, giám sát, cảnh báo tiến độ. Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về độ chính xác và đầy đủ của dữ liệu trên hệ thống.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách về KH, CN, ĐMST và CDS; Nhiệm vụ, giải pháp về thực hiện Chuyển đổi số, Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

a. Hoàn thiện thể chế, chính sách về KH, CN, ĐMST và CDS

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, thu hút doanh nghiệp công nghệ, phát triển hệ sinh thái R&D theo mô hình liên kết “3 nhà: Nhà nước, cơ sở nghiên cứu - đào tạo và doanh nghiệp”.

- Ban hành cơ chế ưu đãi đầu tư hệ thống trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm phục vụ công nghiệp công nghệ số và giáo dục.

- Áp dụng cơ chế đặc thù trong đầu tư công và mua sắm sản phẩm, dịch vụ số.

- Cải cách thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu số; sử dụng giấy tờ số trên tài khoản định danh thay thế giấy tờ bản giấy.

b. Chuyển đổi số

- Tái cấu trúc dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm nguyên tắc “khai một lần - dùng nhiều lần”.

- Gắn mã định danh cá nhân/tổ chức với toàn bộ hồ sơ, giấy tờ liên quan.

- Số hóa nghiêm túc, nhất quán; dữ liệu tuân thủ nguyên tắc “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”.

- Bồi dưỡng kỹ năng số thực chất cho cán bộ và người dân; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng.

-Tháo gỡ vướng mắc trong đầu tư công nghệ thông tin theo Nghị quyết 04/2025/NQ-CP của Chính phủ.

- Triển khai hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn thông tin.

- Triển khai thống nhất giải pháp bảo mật mạng Mật/Tối Mật theo hướng dùng chung toàn hệ thống chính trị.

c. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Xác định và làm chủ tối thiểu 01 công nghệ sản phẩm chiến lược; thúc đẩy nghiên cứu - ứng dụng - chuyển giao vào doanh nghiệp.

- Ban hành Kế hoạch R&D và hỗ trợ nhân lực khoa học và công nghệ thông qua Quỹ của tỉnh và quỹ R&D doanh nghiệp.

- Triển khai chiến lược thu hút, trọng dụng nhân tài phục vụ KH&CN, ĐMST và CDS đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, vốn lồng ghép và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP, Kế hoạch số 469-KH/TU các sở, ban, ngành. UBND cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Kế hoạch này, hoàn thành trong năm 2026.

2. Phòng Văn hóa- xã hội xã có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình của Chính phủ, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ-TW, hoàn thành trong năm 2026.

3. Giao Phòng Văn hóa- xã hội xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo và kiến nghị về UBND xã các khó khăn, vướng mắc và biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Kế hoạch; Bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Hội đồng Nhân dân xã, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, Chuyển đổi số và Đề án 06 xã để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

4. Phòng Kinh tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hằng năm theo Kế hoạch. Rà soát những chính sách về tài chính để đề xuất vào Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân xã hoặc các văn bản khác trong đó tập trung sửa các quy định về Quản lý ngân sách nhà nước, tài sản công phục vụ Khoa học Công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong chỉ tiêu ngân sách cho nhiệm vụ Khoa học Công nghệ, chuyển đổi số; Cơ chế giao tự chủ quản lý cho đơn vị sự nghiệp công lập.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-KH/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Phú Lâm. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này đề nghị các cơ quan, đơn vị, phòng ban liên quan báo cáo về UBND xã (Thông qua Phòng Văn hóa - xã hội xã) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Đồng Nai (b/c);
- Sở KH và CN tỉnh (b/c);
- TT Đảng ủy xã;
- Chủ tịch và Phó CT. UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- VP HĐND& UBND xã;
- Lưu: VT, PVHXXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Xuân Hòa

